

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26 tháng 05 năm 1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14 tháng 10 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Bá Việt	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Tư	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 10/10/2016
Ông Bùi Hồng Sơn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thanh Khán	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quốc Thành	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Bá Việt	Giám đốc	
Ông Bùi Hồng Sơn	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Khán	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tư	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/10/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Mạnh Hùng	Trưởng ban
Bà Thái Thị Hồng Loan	Thành viên
Ông Đỗ Đức Lệ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Bá Việt

Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Số: 1184 /2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức được lập ngày 06 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5 trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Đối với khoản Công ty cho Ông Ngô Bá Việt – Chủ tịch HĐQT vay với số tiền 5 tỷ đồng, đang theo dõi trên khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn". Vấn đề này chưa được Đại hội đồng Cổ đông thông qua như theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26 tháng 07 năm 2012 về việc Quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, số tiền trên đã được Ông Ngô Bá Việt thanh toán cả gốc và lãi cho Công ty theo các điều khoản của hợp đồng.

Vấn đề nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		99.800.438.297	83.619.990.080
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.296.809.103	20.297.536.617
111	1. Tiền		17.296.809.103	10.297.536.617
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		35.689.016.868	28.660.769.570
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	31.934.475.753	36.811.356.941
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		128.109.373	755.580.246
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	12.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	442.535.983	416.857.751
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.816.104.241)	(9.323.025.368)
140	IV. Hàng tồn kho	8	45.149.156.050	32.586.929.940
141	1. Hàng tồn kho		45.149.156.050	32.586.929.940
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.665.456.276	2.074.753.953
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.556.829.746	2.074.753.953
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	108.626.530	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		67.078.685.067	52.205.545.514
220	II. Tài sản cố định		46.317.642.317	39.439.036.564
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	46.317.642.317	39.439.036.564
222	- Nguyên giá		114.057.208.094	100.217.205.188
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(67.739.565.777)	(60.778.168.624)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		267.135.000	267.135.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(267.135.000)	(267.135.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		17.036.549.061	8.703.091.201
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	17.036.549.061	8.703.091.201
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.724.493.689	4.063.417.749
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.724.493.689	4.063.417.749
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		166.879.123.364	135.825.535.594

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		56.213.832.697	46.555.550.764
310	I. Nợ ngắn hạn		56.213.832.697	46.555.550.764
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	50.389.658.004	32.837.416.503
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		340.998.940	1.885.690.529
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	445.394.161	3.052.819.298
314	4. Phải trả người lao động		2.549.792.516	4.218.793.522
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.892.404.283	2.170.766.119
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	2.280.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		595.584.793	110.064.793
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		110.665.290.667	89.269.984.830
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	110.665.290.667	89.269.984.830
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		55.247.160.000	42.499.010.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		55.247.160.000	42.499.010.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		683.890.000	683.890.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.249.000.000	4.095.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		50.485.240.667	41.992.084.830
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		17.610.182.330	9.603.348.588
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		32.875.058.337	32.388.736.242
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		166.879.123.364	135.825.535.594






Nguyễn Văn Đồng
Người lập

Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng

Ngô Bá Việt
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	299.593.659.634	314.338.184.640
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	6.575.867.130	5.969.868.235
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		293.017.792.504	308.368.316.405
11	4. Giá vốn hàng bán	20	231.937.338.971	245.736.006.181
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		61.080.453.533	62.632.310.224
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	690.593.550	118.000.205
22	7. Chi phí tài chính	22	18.712.542	907.200.371
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		18.712.542	811.900.371
25	8. Chi phí bán hàng	23	9.412.479.486	9.846.695.150
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	10.729.482.669	10.701.803.262
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.610.372.386	41.294.611.646
31	11. Thu nhập khác	25	98.610.827	257.486.100
32	12. Chi phí khác	26	492.128.235	23.000.000
40	13. Lợi nhuận khác		(393.517.408)	234.486.100
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		41.216.854.978	41.529.097.746
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	8.341.796.641	9.140.361.504
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		32.875.058.337	32.388.736.242
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	5.951	5.863

Nguyễn Văn Đồng
Người lập

Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng

Ngô Bá Việt
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		319.944.176.423	339.746.845.575
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(240.165.263.606)	(259.140.884.863)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(25.164.393.980)	(26.904.382.080)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(277.778.179)	(816.529.307)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.577.938.713)	(8.165.224.177)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		52.435.000	333.886.080
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(539.517.800)	(375.760.715)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		43.271.719.145	44.677.950.513
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.146.201.926)	(15.743.507.780)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(12.000.000.000)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		758.922.317	49.671.438
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(33.387.279.609)	(15.693.836.342)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		689.000.000	22.015.867.422
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.969.000.000)	(33.104.720.107)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.605.167.050)	(8.503.140.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.885.167.050)	(19.591.993.585)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.000.727.514)	9.392.120.586
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.297.536.617	10.905.416.031
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	17.296.809.103	20.297.536.617



Nguyễn Văn Đồng
Người lập

Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng

Ngô Bá Việt
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26 tháng 05 năm 1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14 tháng 10 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 42.499.010.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 55.247.160.000 đồng; tương đương 5.524.716 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu hàn (que hàn điện, dây hàn);
- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu để sản xuất vật liệu hàn;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



2.15 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	2.697.342.481	2.096.013.871
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.599.466.622	8.201.522.746
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	17.296.809.103	20.297.536.617

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Container Quốc tế CAS	3.406.598.850	3.406.598.850
Công ty TNHH phát triển TM Phương Đông	1.933.662.964	3.590.400.702
Công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch Đông Anh	1.993.459.930	3.907.501.340
Các khoản phải thu khách hàng khác	24.600.754.009	25.906.856.049
	31.934.475.753	36.811.356.941

5 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ông Ngô Bá Việt (*) (1)	5.000.000.000	-
Ông Đặng Trần Lương (2)	4.000.000.000	-
Ông Nguyễn Huy Tiến (3)	3.000.000.000	-
	12.000.000.000	-

(*) Khoản cho vay đối với Ông Ngô Việt - là Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty - chưa được Đại hội đồng cổ động thông qua.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng cho vay tiền ngày 08/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Sử dụng cho công việc cá nhân;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 08/11/2016 đến ngày 08/01/2017;
- + Lãi suất cho vay: 7,2%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 5.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp.

(2) Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Sử dụng cho công việc cá nhân;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 15/11/2016 đến ngày 15/01/2017;
- + Lãi suất cho vay: 7,2%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn (tiếp theo):

(3) Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Sử dụng cho công việc cá nhân;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 15/11/2016 đến ngày 15/01/2017;
- + Lãi suất cho vay: 7,2%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp.

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	68.328.767	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	69.204.013	-
Tạm ứng	281.086.997	-	193.427.253	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	28.533.120	-
Phải thu khác	161.448.986	-	57.364.598	-
	442.535.983	-	416.857.751	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS	3.406.598.850	-	3.406.598.850	-
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Công nghiệp Tàu thủy Bạch Đằng	1.343.019.727	-	1.343.019.727	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Chanh	1.090.729.023	-	1.090.729.023	-
- Các khoản khác	3.833.749.026	857.992.385	3.931.968.989	449.291.221
	9.674.096.626	857.992.385	9.772.316.589	449.291.221

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	37.354.135.154	-	27.285.398.156	-
Công cụ, dụng cụ	170.914.433	-	310.409.279	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.091.208.000	-	510.560.000	-
Thành phẩm	4.031.157.700	-	4.153.912.269	-
Hàng hoá	1.501.740.763	-	326.650.236	-
	45.149.156.050	-	32.586.929.940	-

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	5.621.105.157	-
- Dự án xây dựng nhà máy dây hàn Hải Dương (1)	5.621.105.157	-
Mua sắm tài sản cố định	11.415.443.904	8.703.091.201
- Máy kéo ước và mạ đồng sản xuất dây hàn	-	8.703.091.201
- Dây truyền sản xuất dây hàn lõi thuốc (2)	11.415.443.904	-
	17.036.549.061	8.703.091.201

(1) Dự án xây dựng nhà máy dây hàn Hải Dương bắt đầu khởi công ngày 12/07/2016 tại Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương. Tổng vốn đầu tư theo dự toán là 6.800.000.000 đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2016, công trình hiện đã hoàn thành phần thô và dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 01/2017.

(2) Dây truyền sản xuất dây hàn lõi thuốc được đầu tư nằm trong dự án nhà máy dây hàn Hải Dương với công suất dự kiến là 6.000 tấn/năm. Tổng vốn đầu tư theo dự toán là 11.400.000.000 đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2016, dây truyền đang được lắp đặt và tiến hành chạy thử. Tuy nhiên, công suất của dây truyền mới chỉ đạt 10m/s, chưa đạt mức 18m/s so với thiết kế và cam kết hợp đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	30.304.660.717	58.999.103.057	10.832.241.414	81.200.000	100.217.205.188
- Tăng do mua sắm	-	13.514.911.997	280.000.000	45.090.909	13.840.002.906
Số dư cuối năm	30.304.660.717	72.514.015.054	11.112.241.414	126.290.909	114.057.208.094
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.877.895.662	39.394.219.430	6.424.853.532	81.200.000	60.778.168.624
- Khấu hao trong năm	1.276.593.797	4.934.416.807	750.386.549	-	6.961.397.153
Số dư cuối năm	16.154.489.459	44.328.636.237	7.175.240.081	81.200.000	67.739.565.777
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	15.426.765.055	19.604.883.627	4.407.387.882	-	39.439.036.564
Tại ngày cuối năm	14.150.171.258	28.185.378.817	3.937.001.333	45.090.909	46.317.642.317

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.839.662.171 đồng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bằng sáng chế với nguyên giá tại ngày 31/12/2016 là 267.135.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2016 là 267.135.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp (*)	3.443.569.627	3.523.569.627
Chi phí chuyển giao công nghệ	258.924.062	517.848.122
Chi phí trả trước dài hạn khác	22.000.000	22.000.000
	3.724.493.689	4.063.417.749

(*) Là các khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng liên quan đến Dự án Nhà máy sản xuất dây hàn 6.000 tấn/năm tại Tỉnh Hải Dương và được phân bổ theo thời gian thuê đất là 50 năm.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Công ty Cổ phần Thanh An	6.701.416.611	6.701.416.611	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC	5.898.346.653	5.898.346.653	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Hải	11.554.183.460	11.554.183.460	5.971.302.087	5.971.302.087
Công ty TNHH Vạn Đạt	8.841.524.367	8.841.524.367	13.885.733.312	13.885.733.312
Phải trả các đối tượng khác	17.394.186.913	17.394.186.913	12.980.381.104	12.980.381.104
	50.389.658.004	50.389.658.004	32.837.416.503	32.837.416.503

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	5.601.856.241	5.601.856.241	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	76.493.145	76.493.145	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.681.536.233	8.341.796.641	10.577.938.713	-	445.394.161
Thuế Thu nhập cá nhân	-	371.283.065	727.345.875	1.207.255.470	108.626.530	-
Các loại thuế khác	-	-	1.042.603.534	1.042.603.534	-	-
	-	3.052.819.298	15.790.095.436	18.506.147.103	108.626.530	445.394.161

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	314.091.434	404.995.830
Bảo hiểm xã hội	11.400.825	-
Bảo hiểm y tế	6.108.469	48.531.811
Bảo hiểm thất nghiệp	647.176	12.925.106
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	31.249.340	11.663.890
Phải trả lãi vay	-	259.065.637
Phải trả ông Ngô Bá Việt (*)	1.278.673.000	1.278.673.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	250.234.039	154.910.845
	1.892.404.283	2.170.766.119

(*) Là khoản tiền vay mượn ông Ngô Bá Việt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty để mua ô tô.



16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	42.499.010.000	683.890.000	3.595.000.000	19.023.150.588	65.801.050.588
Lãi trong năm trước	-	-	-	32.388.736.242	32.388.736.242
Phân phối lợi nhuận	-	-	500.000.000	(9.419.802.000)	(8.919.802.000)
Số dư cuối năm trước	42.499.010.000	683.890.000	4.095.000.000	41.992.084.830	89.269.984.830
Số dư đầu năm nay	42.499.010.000	683.890.000	4.095.000.000	41.992.084.830	89.269.984.830
Lãi trong năm nay	-	-	-	32.875.058.337	32.875.058.337
Phân phối lợi nhuận (*)	12.748.150.000	-	154.000.000	(24.381.902.500)	(11.479.752.500)
Số dư cuối năm này	55.247.160.000	683.890.000	4.249.000.000	50.485.240.667	110.665.290.667

(*) Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 25/04/2016. Trong đó, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng 30% vốn điều lệ. Ngày chốt quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo Thông báo của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam là ngày 24/06/2016. Ngày 31/10/2016, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Thông báo số 1131/TB-SGDHN công bố ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu niêm yết bổ sung; Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 1.274.815 cổ phiếu tương ứng giá trị cổ phiếu niêm yết bổ sung là 12.748.150.000 đồng.

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	32.388.736.242
Trích Quỹ đầu tư phát triển	0,48%	154.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,64%	855.000.000
Chi trả cổ tức	32,80%	10.624.752.500
Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng 30% vốn điều lệ	39,36%	12.748.150.000
Lợi nhuận chưa phân phối	24,72%	8.006.833.742

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Bà Nguyễn Thị Thanh	0,00%	-	19,36%	8.226.770.000
Ông Ngô Bá Việt	17,75%	9.806.370.900	17,75%	7.544.300.000
Ông Phạm Văn Tư	1,67%	922.627.572	7,47%	3.173.630.000
Ông Đặng Quốc Dũng	6,06%	3.347.977.896	0,00%	-
Nguyễn Huy Tiến	8,53%	4.712.582.748	0,00%	-
Các cổ đông khác	65,99%	36.457.600.884	55,42%	23.554.310.000
	100%	55.247.160.000	100%	42.499.010.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.247.160.000	42.499.010.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	42.499.010.000	42.499.010.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	12.748.150.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	55.247.160.000	42.499.010.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	23.372.902.500	8.499.802.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	23.372.902.500	8.499.802.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.524.716	4.249.901
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.524.716	4.249.901
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.524.716	4.249.901
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.524.716	4.249.901
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.524.716	4.249.901
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Cổ tức

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	16.574.148.000	10.624.752.500
- <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	16.574.148.000	10.624.752.500
	16.574.148.000	10.624.752.500

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.249.000.000	4.095.000.000
	4.249.000.000	4.095.000.000



17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	7.591,16	9.405,76
- Đồng Euro (EUR)	412,04	411,31

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
	628.304.578	58.506.800

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	299.593.659.634	314.338.184.640
	<u>299.593.659.634</u>	<u>314.338.184.640</u>

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	2.240.291.200	3.176.639.450
Hàng bán bị trả lại	321.757.230	2.206.986.950
Giảm giá hàng bán	4.013.818.700	586.241.835
	<u>6.575.867.130</u>	<u>5.969.868.235</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	231.937.338.971	245.736.006.181
	<u>231.937.338.971</u>	<u>245.736.006.181</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	690.593.550	118.000.205
	<u>690.593.550</u>	<u>118.000.205</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	18.712.542	811.900.371
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	95.300.000
	18.712.542	907.200.371

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	144.645.538	26.336.675
Chi phí nhân công	2.658.089.355	2.704.221.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.407.104	179.909.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.416.204.121	4.918.791.229
Chi phí khác bằng tiền	1.965.133.368	2.017.436.896
	9.412.479.486	9.846.695.150

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	97.149.561	246.478.659
Chi phí nhân công	6.644.562.213	6.760.552.880
Chi phí khấu hao tài sản cố định	275.405.212	281.218.012
Thuế, phí, lệ phí	1.161.610.252	1.053.320.512
Chi phí dự phòng	62.876.651	186.049.662
Chi phí khác bằng tiền	2.487.878.780	2.174.183.537
	10.729.482.669	10.701.803.262

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập khác	98.610.827	257.486.100
	98.610.827	257.486.100

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt thuế	472.128.235	-
Chi phí khác	20.000.000	23.000.000
	492.128.235	23.000.000

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.216.854.978	41.529.097.746
Các khoản điều chỉnh tăng	492.128.231	18.000.000
- Chi phí không hợp lệ	492.128.231	18.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	41.708.983.209	41.547.097.746
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.341.796.641	9.140.361.504
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.681.536.233	1.706.398.906
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(10.577.938.713)	(8.165.224.177)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	445.394.161	2.681.536.233

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	32.875.058.337	32.388.736.242
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	32.875.058.337	32.388.736.242
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.524.716	5.524.716
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.951	5.863

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	194.676.621.717	206.692.763.827
Chi phí nhân công	26.215.312.452	27.042.211.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.961.397.153	4.612.106.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.425.030.709	9.320.671.924
Chi phí khác bằng tiền	13.905.039.747	12.794.142.433
249.183.401.778	249.183.401.778	260.461.896.276

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.296.809.103	-	20.297.536.617	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.377.011.736	(8.816.104.241)	37.228.214.692	(9.323.025.368)
Các khoản cho vay	12.000.000.000	-	-	-
	61.673.820.839	(8.816.104.241)	57.525.751.309	(9.323.025.368)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	2.280.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	52.282.062.287	35.008.182.622
	52.282.062.287	37.288.182.622

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.296.809.103	-	-	17.296.809.103
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.560.907.495	-	-	23.560.907.495
Các khoản cho vay	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
	52.857.716.598	-	-	52.857.716.598
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.297.536.617	-	-	20.297.536.617
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.905.189.324	-	-	27.905.189.324
	48.202.725.941	-	-	48.202.725.941

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	52.282.062.287	-	-	52.282.062.287
	52.282.062.287	-	-	52.282.062.287

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	2.280.000.000	-	-	2.280.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	35.008.182.622	-	-	35.008.182.622
	37.288.182.622	-	-	37.288.182.622

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất que hàn và dây hàn, chiếm hơn 90% trong toàn bộ hoạt động của Công ty. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Đồng thời, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cho vay ngắn hạn		12.000.000.000	-
Ngô Bá Việt	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	5.000.000.000	-
Đặng Trần Lương	Cổ đông lớn	4.000.000.000	-
Nguyễn Huy Tiến	Cổ đông lớn	3.000.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn		12.000.000.000	-
Ngô Bá Việt	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	5.000.000.000	-
Đặng Trần Lương	Cổ đông lớn	4.000.000.000	-
Nguyễn Huy Tiến	Cổ đông lớn	3.000.000.000	-
Phải trả khác		1.278.673.000	1.278.673.000
Ông Ngô Bá Việt	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	1.278.673.000	1.278.673.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.469.532.000	1.628.025.900

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán.






Nguyễn Văn Đồng **Hoàng Xuân Thành** **Ngô Bá Việt**
Người lập Kế toán trưởng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

